

Số: 271/DKND-TCHC

Ninh Bình, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định**
Mã chứng khoán: **PND**
Địa chỉ trụ sở chính: Số 36 Phùng Khắc Khoan – phường Trường Thi – tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0228.3863650

Fax: 0228.3864560

Người được ủy quyền công bố thông tin: **Trần Xuân Hạnh**

Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính

Loại thông tin công bố: 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐
định kỳ ☐

Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/02/2026 tại đường dẫn: www.pvoilnamdinh.com.vn. (mục Quan hệ cổ đông).

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Xuân Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mậu Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Hữu	Giám đốc (Từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến nay)
Ông Tôn Quốc Bình	Giám đốc (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2025)
Ông Trần Thanh Dũng	Phó Giám đốc (Từ ngày 08 tháng 12 năm 2025 đến nay)
Ông Phan Trung Kiên	Phó Giám đốc
Ông Cao Anh Tuấn	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm cho tới ngày lập báo cáo tài chính, bao gồm:

Ông Nguyễn Trung Hữu	Từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 tới nay
Ông Tôn Quốc Bình	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. 



Nguyễn Trung Hữu
Giám đốc

Ninh Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Số: 002 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 01 năm 2026 từ trang 05 đến trang 36 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính - “Giả định hoạt động liên tục”, tại đó, Công ty trình bày các thông tin về việc tồn tại yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và đánh giá của Ban Giám đốc về cơ sở lập báo tài chính đáp ứng theo giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Báo cáo kiểm toán số 14/2025/KT-AVI-TC2 đề ngày 07 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2026-156-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.395.050.798	78.468.689.020
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.568.123.965	5.871.307.169
1. Tiền	111	5	5.568.123.965	5.871.307.169
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.373.619.353	34.242.652.516
1. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	131	6	33.864.671.209	35.874.247.909
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	19.641.212.617	9.803.929.786
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.001.149.123	2.067.381.582
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(15.133.413.596)	(13.502.906.761)
III. Hàng tồn kho	140	9	14.788.961.777	36.018.515.047
1. Hàng tồn kho	141		15.305.217.076	36.086.479.480
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(516.255.299)	(67.964.433)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.664.345.703	2.336.214.288
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	1.862.681.757	1.446.469.956
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	722.078.203
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	801.663.946	167.666.129
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.027.443.397	59.607.950.267
I. Tài sản cố định	220		26.028.183.634	31.224.534.773
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.381.127.308	29.458.091.959
- Nguyên giá	222		111.249.164.021	110.835.534.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.868.036.713)	(81.377.442.062)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.647.056.326	1.766.442.814
- Nguyên giá	228		3.171.000.000	3.171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.523.943.674)	(1.404.557.186)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.727.273	22.727.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.727.273	22.727.273
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	415.867.237
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.000.000.000)	(4.584.132.763)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		34.976.532.490	27.944.820.984
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	34.976.532.490	27.944.820.984
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		124.422.494.195	138.076.639.287

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		79.801.535.078	94.499.336.992
I. Nợ ngắn hạn	310		74.643.581.237	90.592.983.151
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	25.209.569.836	58.548.754.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.070.759.172	897.497.057
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	34.614.509.636	17.855.046.138
4. Phải trả người lao động	314		5.171.757.436	5.480.874.650
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.759.006.364	6.000.728.397
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	666.014.544
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.193.894.886	898.813.938
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	554.400.000	174.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		69.683.907	71.253.907
II. Nợ dài hạn	330		5.157.953.841	3.906.353.841
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	2.940.353.841	3.440.353.841
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	2.217.600.000	466.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.620.959.117	43.577.302.295
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	44.620.959.117	43.577.302.295
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		66.666.660.000	66.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		66.666.660.000	66.666.660.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.666.660.000	6.666.660.000
3. Lỗ sau thuế chưa phân phối	421		(28.712.360.883)	(29.756.017.705)
- Lỗ chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(29.756.017.705)	(31.313.598.289)
- Lãi chưa phân phối năm nay	421b		1.043.656.822	1.557.580.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		124.422.494.195	138.076.639.287



Nguyễn Trung Hữu
Giám đốc

Ninh Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Tuấn Tú
Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Tú
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	3.189.749.186.607	2.892.296.350.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1.227.324.590	3.660.252.911
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	3.188.521.862.017	2.888.636.097.985
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.094.115.656.138	2.805.237.158.944
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		94.406.205.879	83.398.939.041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13.478.498	13.853.200
7. Chi phí tài chính	22		466.195.172	156.405.152
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		50.327.935	156.405.152
8. Chi phí bán hàng	25	26	79.477.216.385	69.489.050.578
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	15.087.533.525	13.449.597.046
10. (Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(611.260.705)	317.739.465
11. Thu nhập khác	31	27	1.860.276.168	1.389.408.352
12. Chi phí khác	32		205.358.641	149.567.233
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.654.917.527	1.239.841.119
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.043.656.822	1.557.580.584
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.043.656.822	1.557.580.584
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	156,55	233,64



Nguyễn Trung Hữu
Giám đốc

Ninh Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Tuấn Tú
Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Tú
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.043.656.822	1.557.580.584
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.609.981.139	6.262.002.094
Các khoản dự phòng	03	2.494.664.938	(137.113.537)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.478.498)	(13.853.200)
Chi phí lãi vay	06	50.327.935	156.405.152
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.185.152.336	7.825.021.093
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(7.673.393.286)	37.437.831.869
Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	20.781.262.404	(9.369.502.283)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(16.827.828.726)	21.045.282.120
Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(7.447.923.307)	(7.495.533.834)
Tiền lãi vay đã trả	14	(47.832.878)	(165.872.076)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	28.430.000	47.800.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(30.000.000)	(53.329.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.032.133.457)	49.271.697.289
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(413.630.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.478.498	13.853.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(400.151.502)	13.853.200
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.772.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(640.000.000)	(51.099.993.599)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.898.245)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.129.101.755	(51.099.993.599)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(303.183.204)	(1.814.443.110)
Tiền đầu năm	60	5.871.307.169	7.685.750.279
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5.568.123.965	5.871.307.169



Nguyễn Trung Hữu
Giám đốc

Ninh Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Tuấn Tú
Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Tú
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0600759399 ngày 30 tháng 11 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09 tháng 10 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp (nay là tỉnh Ninh Bình).

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 66.666.660.000 VND, tương đương với 6.666.666 cổ phần.

Trụ sở Công ty tại: Số 36 Phùng Khắc Khoan, Phường Trường Thi, Tỉnh Ninh Bình.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 273 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 245 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa: đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: cho thuê kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học, xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc, xuất nhập khẩu phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu mỡ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Cho thuê xe có động cơ: cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: dịch vụ kỹ thuật dầu khí: khoan thăm dò dầu khí, địa chất, địa vật lý giếng khoan...
- Cung ứng lao động tạm thời: dịch vụ cung ứng nhân lực ngành dầu khí;
- Bán buôn tổng hợp: dịch vụ thương mại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: mua bán phân bón, vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Bán buôn nhiên vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: mua bán xăng, dầu các loại, dầu nhờn và các loại chế phẩm dầu mỡ khác, các sản phẩm hóa dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), mua bán nhiên liệu sinh học;
- Chi tiết của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: vận chuyển các sản phẩm dầu khí.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn và bán lẻ xăng, dầu các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện theo thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định - Chi nhánh Ninh Bình

Chi nhánh Hà Nam - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định

Địa chỉ

Số 37 đường Nguyễn Huệ, Phường Nam Bình, Thành phố Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam (Địa chỉ sau sáp nhập: Số 37 đường Nguyễn Huệ, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình)

Đường Lê Hoàn, Phường Châu Cầu, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam (Địa chỉ sau sáp nhập: Đường Lê Hoàn, Phường Phủ Lý, Tỉnh Ninh Bình)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, lỗ lũy kế của Công ty là khoảng 28,71 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 khoảng 29,76 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 11,25 tỷ VND, (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 khoảng 12,12 tỷ VND), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm khoảng 2,032 tỷ VND. Các yếu tố nêu trên ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đang triển khai các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả kinh doanh; cân đối tài chính, tiếp cận nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức tín dụng để duy trì việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, đồng thời tiết giảm chi phí, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh có hiệu quả để bù đắp lỗ lũy kế. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng giả định liên tục là phù hợp khi lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng: đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Công ty trích lập dự phòng dựa trên khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất cửa hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho có dấu hiệu suy giảm giá trị trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê hoạt động là tiền thuê các cửa hàng xăng dầu, lợi nhuận hợp tác kinh doanh các cửa hàng xăng dầu,... trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê và hợp tác kinh doanh;
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất tại một số cửa hàng xăng dầu và văn phòng Công ty phát sinh khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP thực hiện góp vốn vào Công ty. Giá trị lợi thế này phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian thuê;
- Các chi phí khác như: Sửa chữa các cửa hàng xăng dầu, chi phí bảo hiểm, chi phí công cụ, dụng cụ,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tối đa 3 năm kể từ khi phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được hình thành theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng đất, giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bên liên quan (Tiếp theo)

Danh sách bên liên quan của Công ty:

Mối quan hệ

[illegible]

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.079.116.497	2.625.158.769
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.489.007.468	3.246.148.400
Cộng	5.568.123.965	5.871.307.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là bên liên quan	14.696.172.798	10.687.858.247
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	6.200.503.504	5.681.932.486
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.558.749.265	2.635.767.746
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	2.710.902.845	1.477.798.970
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	579.187.114	246.608.878
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	550.599.540	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	485.971.952	59.072.400
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	288.640.000	288.640.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	227.334.007	235.759.477
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên	9.850.161	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	84.434.410	60.070.640
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	-	2.207.650
b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các đối tượng khác	19.168.498.411	25.186.389.662
Công ty Cổ phần Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	4.270.513.122
Công ty TNHH Giải pháp Dầu khí Việt Nam	4.198.293.670	4.858.293.670
Công ty Cổ phần Thương mại Phương Hoàng	3.287.903.374	3.287.903.374
Công ty Cổ phần Đầu tư TBH Việt Nam	174.705.641	3.254.279.069
Các đối tượng khác	7.237.082.604	9.515.400.427
Cộng	33.864.671.209	35.874.247.909

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán là bên liên quan	14.931.407.128	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	14.928.853.327	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	2.553.801	-
b) Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	4.709.805.489	9.803.929.786
Công ty Cổ phần Cơ khí Nông nghiệp Nghĩa Hưng	4.160.000.000	4.160.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hoàng Gia	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Hoàng Lâm HN	-	3.900.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Cường	-	1.232.000.000
Các đối tượng khác	249.805.489	211.929.786
Cộng	19.641.212.617	9.803.929.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	847.602.200	-	916.000.000	-
Phải thu khác:	1.153.546.923	(1.104.148.576)	1.151.381.582	(1.104.148.576)
- Vũ Hữu Thuyền (i)	1.104.148.576	(1.104.148.576)	1.104.148.576	(1.104.148.576)
- Đối tượng khác	49.398.347	-	47.233.006	-
Cộng	2.001.149.123	(1.104.148.576)	2.067.381.582	(1.104.148.576)

Ghi chú:

- (i) Khoản nợ phải thu của Ông Vũ Hữu Thuyền với số tiền là 1.104.148.576 VND phát sinh do nộp thiếu tiền hàng tại các cửa hàng do Ông Thuyền phụ trách. Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu này. Hiện tại Ông Vũ Hữu Thuyền đã bị Công an tỉnh Nam Định bắt giữ. Ngày 22 tháng 01 năm 2025 Công an tỉnh Nam Định đã ban hành Thông báo số 433/TB-CSKT về việc phục hồi điều tra vụ án hình sự số 162/QĐ-CSKT ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với vụ án “Tham ô tài sản” xảy ra tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định của Ông Vũ Hữu Thuyền. Ngày 19 tháng 4 năm 2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã có Biên bản làm việc với Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định về việc thông báo kết thúc điều tra vụ án “Tham ô tài sản” xảy ra tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định. Ngày 10 tháng 6 năm 2025 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên xét xử hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Vũ Hữu Thuyền về tội “Tham ô tài sản”.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	15.305.217.076	(516.255.299)	36.086.479.480	(67.964.433)
Cộng	15.305.217.076	(516.255.299)	36.086.479.480	(67.964.433)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	67.964.433	160.077.970
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong năm	448.290.866	(92.113.537)
Số cuối năm	516.255.299	67.964.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Số đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Số đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND	Năm
Công ty TNHH Giải pháp Dầu khí Việt Nam	4.198.293.670	1.949.146.835	2.249.146.835	Trên 1 năm	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	4.270.513.122	Trên 3 năm	4.270.513.122	-	4.270.513.122	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Phụng Hoàng	3.287.903.374	-	3.287.903.374	Trên 3 năm	3.287.903.374	-	3.287.903.374	Trên 3 năm
Vũ Hữu Thuận	1.104.148.576	-	1.104.148.576	Trên 3 năm	1.104.148.576	-	1.104.148.576	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Toàn Hằng	855.986.750	-	855.986.750	Trên 3 năm	855.986.750	-	855.986.750	Trên 3 năm
Công ty TNHH Hiền Đạt	729.916.797	-	729.916.797	Trên 3 năm	729.916.797	-	729.916.797	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu tư Thành Đạt	553.848.733	-	553.848.733	Trên 3 năm	553.848.733	-	553.848.733	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Tấn Sang	532.416.582	-	532.416.582	Trên 3 năm	862.416.582	-	862.416.582	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xuân Thành Phương	428.439.500	-	428.439.500	Trên 3 năm	428.439.500	-	428.439.500	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Tuyết Ngà	414.488.919	-	414.488.919	Trên 3 năm	414.488.919	-	414.488.919	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hoàng Gia	300.000.000	-	300.000.000	Trên 3 năm	300.000.000	-	300.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tấn Hoàng Minh	-	-	-	Trên 3 năm	288.640.000	-	288.640.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Viễn Đông	164.800.000	-	164.800.000	Trên 3 năm	164.800.000	-	164.800.000	Trên 3 năm
Nguyễn Đăng Thanh	96.062.601	-	96.062.601	Trên 3 năm	96.062.601	-	96.062.601	Trên 3 năm
Doanh nghiệp tư nhân Mạnh Cường	44.522.800	-	44.522.800	Trên 3 năm	44.522.800	-	44.522.800	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Bạch Đằng	35.434.728	-	35.434.728	Trên 3 năm	35.434.728	-	35.434.728	Trên 3 năm
Công ty TNHH Phú Khang	35.000.000	-	35.000.000	Trên 3 năm	35.000.000	-	35.000.000	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Phụ Long	30.784.279	-	30.784.279	Trên 3 năm	30.784.279	-	30.784.279	Trên 3 năm
Cộng	17.082.560.431	1.949.146.835	15.133.413.596		13.502.906.761	-	13.502.906.761	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Số dư đầu năm

Mua sắm mới

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm

Khấu hao trong năm

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm

Tại ngày cuối năm

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
	79.131.949.516	18.549.005.977	13.154.578.528	110.835.534.021
	-	413.630.000	-	413.630.000
	79.131.949.516	18.962.635.977	13.154.578.528	111.249.164.021
	58.146.497.641	13.243.234.715	9.987.709.706	81.377.442.062
	3.366.669.667	1.397.813.639	726.111.345	5.490.594.651
	61.513.167.308	14.641.048.354	10.713.821.051	86.868.036.713
	20.985.451.875	5.305.771.262	3.166.868.822	29.458.091.959
	17.618.782.208	4.321.587.623	2.440.757.477	24.381.127.308

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 36.817.907.555 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 32.476.772.181 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp cho mục đích vay tại Thuyết minh số 20 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 15.759.789.480 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19.119.090.708 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	3.171.000.000	3.171.000.000
Số dư cuối năm	3.171.000.000	3.171.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư đầu năm	1.404.557.186	1.404.557.186
Khấu hao trong năm	119.386.488	119.386.488
Số dư cuối năm	1.523.943.674	1.523.943.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	1.766.442.814	1.766.442.814
Số dư cuối năm	1.647.056.326	1.647.056.326

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp cho mục đích vay tại Thuyết minh số 20 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.647.056.326 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.766.442.814 VND).

Quyền sử dụng đất trong đó bao gồm Quyền sử dụng đất không có giá trị ghi sổ của các tài sản sau:

Địa chỉ cũ	Địa chỉ hiện tại	Diện tích	Giấy chứng nhận quyền sử dụng số	Cấp ngày	Ghi chú
Xã Hải Vân, Huyện Hải Hậu, Nam Định	Xã Hải Hưng, Ninh Bình	240m ²	CB 224005	01/07/2015	(i)
Thôn Phố Bói, Xã Thanh Phong, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam	Xã Tân Thanh, Tỉnh Ninh Bình	180m ²	CA 468502	29/09/2015	(i)

Ghi chú:

- (i) Quyền sử dụng đất làm tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/2025/VCB /10741722/TLTDH ngày 15 tháng 12 năm 2025 theo Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Số đã trích lập dự phòng (i)	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đã trích lập dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>						
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petecland	5.000.000.000	(5.000.000.000)		5.000.000.000	(4.584.132.763)	
Cộng	5.000.000.000	(5.000.000.000)		5.000.000.000	(4.584.132.763)	

Ghi chú:

- (i) Theo Báo cáo tài chính quý 3 năm 2025 của Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petecland, Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petecland có lỗ lũy kế khoảng 30,2 tỷ VND (trên tổng số vốn góp của chủ sở hữu là 38,3 tỷ VND), toàn bộ lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2025 và năm 2024 đều đến từ hoạt động tài chính. Ban Giám đốc đánh giá khoản đầu tư này không có khả năng thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng 100% theo Quyết định số 79/QĐ-DKND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	1.862.681.757	1.446.469.956
Chi phí thuê hoạt động (i)	730.454.539	691.954.542
Chi phí sửa chữa nâng cấp	-	754.515.414
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.132.227.218	-
<i>b) Dài hạn</i>	34.976.532.490	27.944.820.984
Chi phí thuê hoạt động (i)	25.080.695.009	13.729.023.482
Giá trị lợi thế vị trí	4.024.252.865	4.276.697.237
Lợi nhuận cố định trả trước cho đối tác	2.763.780.484	3.557.520.484
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.674.637.469	3.600.690.926
Công cụ dụng cụ xuất dùng	433.166.663	2.780.888.855

Ghi chú:

- (i) Thể hiện tiền thuê cửa hàng xăng dầu, lợi nhuận hợp tác kinh doanh cửa hàng xăng dầu,... tại các cửa hàng xăng dầu thuộc tỉnh Ninh Bình (cũ là các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình) - chi tiết Thuyết minh số 31 - Cam kết thuê hoạt động và Thuyết minh số 34 - Thông tin khác phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	25.209.569.836	25.209.569.836	58.548.754.520	58.548.754.520
<i>a.1) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>	<i>21.810.514.018</i>	<i>21.810.514.018</i>	<i>55.950.139.350</i>	<i>55.950.139.350</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Hưng Yên	8.360.800.000	8.360.800.000	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	6.208.000.000	6.208.000.000	84.150	84.150
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	4.884.392.821	4.884.392.821	-	-
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	1.500.000.000	1.500.000.000	1.535.215.333	1.535.215.333
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	704.509.637	704.509.637	952.846.704	952.846.704
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	99.464.700	99.464.700	134.850.349	134.850.349
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	22.803.646	22.803.646	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	10.074.834	10.074.834	9.683.798	9.683.798
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	9.145.037	9.145.037	772.875	772.875
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	8.640.450	8.640.450	39.750	39.750
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.682.893	2.682.893	53.301.490.635	53.301.490.635
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	-	-	15.155.756	15.155.756
a.2) Phải trả người bán ngắn hạn là đối tượng khác	3.399.055.818	3.399.055.818	2.598.615.170	2.598.615.170
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Cường	3.216.947.939	3.216.947.939	-	-
Các đối tượng khác	182.107.879	182.107.879	2.598.615.170	2.598.615.170
b) Phải trả người bán dài hạn	2.940.353.841	2.940.353.841	3.440.353.841	3.440.353.841
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP - Bên liên quan	2.940.353.841	2.940.353.841	3.440.353.841	3.440.353.841

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh nghiệp Xây dựng Xuân Trường	562.013.560	347.183.800
Công ty Cổ phần Hoàng Sa	364.031.930	120.486.630
Các đối tượng khác	1.144.713.682	429.826.627
Cộng	2.070.759.172	897.497.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ phải thu trong năm	Số đã thực nộp/ thực thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp	17.855.046.138	307.150.837.391	290.391.373.893	34.614.509.636
Thuế giá trị gia tăng	675.731.104	29.569.697.246	27.623.677.583	2.621.750.767
Thuế thu nhập cá nhân	3.043.037	704.882.894	707.925.931	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	639.592.352	639.592.352	-
Phí bảo vệ môi trường	17.176.271.997	276.194.664.899	261.378.178.027	31.992.758.869
Thuế khác	-	42.000.000	42.000.000	-
b) Phải thu	167.666.129	633.997.817	-	801.663.946
Thuế giá trị gia tăng	-	201.816.458	-	201.816.458
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.760.000	-	-	133.760.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.731.358	-	38.731.358
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	33.906.129	393.448.001	-	427.354.130
Phí bảo vệ môi trường	-	2.000	-	2.000

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả về phân chia lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Cơ khí Nông nghiệp Nghĩa Hưng	1.878.010.781	1.618.010.777
Phải trả về phân chia lợi nhuận cho Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phát triển Hương Giang	637.738.230	301.293.879
Phải trả về phân chia lợi nhuận cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Cường	223.810	-
Chi phí trích trước khác	243.033.543	4.081.423.741
Cộng	2.759.006.364	6.000.728.397

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả khác là bên liên quan	3.775.595.184	558.453.429
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (i)	3.200.040.000	-
Phải trả về cổ tức	525.555.184	528.453.429
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	50.000.000	30.000.000
b) Phải trả khác	418.299.702	340.360.509
Các khoản phải trả, phải nộp khác	418.299.702	340.360.509
Cộng	4.193.894.886	898.813.938

Ghi chú:

- (i) Theo Công văn số 4495/XDHN-KDXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc cho vay nguồn tại kho Đình Vũ, Công ty có vay Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội 200.000 lít xăng RON 95-III (tương ứng giá trị vay bao gồm thuế giá trị gia tăng là 3.200.040.000 VND). Lô hàng đã được Công ty trả hàng vào ngày 02 tháng 01 năm 2026 theo Công văn số 04/DKNĐ-KDXD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	554.400.000	554.400.000	174.000.000	554.400.000	174.000.000	174.000.000
Các khoản vay đến hạn trả	554.400.000	554.400.000	174.000.000	554.400.000	174.000.000	174.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định (i)	554.400.000	554.400.000	50.000.000	554.400.000	50.000.000	50.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	-	-	124.000.000	-	124.000.000	124.000.000
b) Vay dài hạn	2.217.600.000	2.217.600.000	1.020.400.000	2.772.000.000	466.000.000	466.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định (i)	2.217.600.000	2.217.600.000	692.400.000	2.772.000.000	138.000.000	138.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	-	-	328.000.000	-	328.000.000	328.000.000
Cộng	2.772.000.000	2.772.000.000	1.194.400.000	3.326.400.000	640.000.000	640.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/2025/VCB /10741722/TL.TDH ngày 15 tháng 12 năm 2025. Mục đích vay là để thanh toán các chi phí thuế cửa hàng xăng dầu, cải tạo cửa hàng xăng dầu. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 8,3%/năm trong một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền cho vay: Ngân hàng giao hoặc cam kết giao cho khách hàng (các) khoản tiền với tổng số tiền cho vay tối đa là 2.772.000.000 VND nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của phương án đầu tư. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay.
- Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm: Quyền sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB224005; Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB224001; Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 411596; Bất động sản theo GNC số 468501; Bất động sản theo GNC số 468502; Bất động sản theo GNC số 411594; Bất động sản theo GNC số 411595.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	554.400.000	174.000.000
Trong vòng 2 năm	2.217.600.000	466.000.000
Cộng	2.772.000.000	640.000.000
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	554.400.000	174.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	2.217.600.000	466.000.000

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2024	66.666.660.000	6.666.660.000	(31.313.598.289)	42.019.721.711
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.557.580.584	1.557.580.584
Số dư tại ngày 01/01/2025	66.666.660.000	6.666.660.000	(29.756.017.705)	43.577.302.295
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.043.656.822	1.043.656.822
Số dư tại ngày 31/12/2025	66.666.660.000	6.666.660.000	(28.712.360.883)	44.620.959.117

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	Năm nay	Năm trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	6.666.666	6.666.666
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	6.666.666	6.666.666

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 66.666.660.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các cổ đông đã góp vốn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	37.833.330.000	56,75%	37.833.330.000	56,75%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam	9.692.000.000	14,54%	9.692.000.000	14,54%
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Trung Dũng	5.000.000.000	7,50%	5.000.000.000	7,50%
Các cổ đông khác	14.141.330.000	21,21%	14.141.330.000	21,21%
Cộng	66.666.660.000	100,00%	66.666.660.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đá Đồng Giao	589.844.900	589.844.900
Công ty Hà Thành	382.733.800	382.733.800
Công ty NN Y Yên	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Minh Hiếu	190.000.000	190.000.000
Công ty TNHH Bảo Chính Vương	194.604.200	194.604.200
Công ty TNHH Sông Hồng 25	410.278.400	410.278.400
Công ty TNHH Tùng Giang	243.892.600	243.892.600
Cộng	2.036.353.900	2.036.353.900

Hàng hoá nhận giữ hộ

Mặt hàng	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
			(Trình bày lại)
Xăng E5 RON92 Mức 2	lít	17	42.543
Xăng RON95 Mức 3	lít	1.649.238	400
Dầu Diesel 0,05S Mức 2	lít	1.051.357	127.523
Dầu Diesel 0,001S Mức 5	lít	346.261	45.467

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán xăng, dầu	3.174.750.100.800	2.880.599.930.671
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	14.999.085.807	11.696.420.225
Cộng	3.189.749.186.607	2.892.296.350.896
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.227.324.590	3.660.252.911
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	1.227.324.590	3.660.252.911
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.188.521.862.017	2.888.636.097.985

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán xăng, dầu	3.088.406.981.569	2.799.751.986.235
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ khác	5.260.383.703	5.577.286.246
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	448.290.866	(92.113.537)
Cộng	3.094.115.656.138	2.805.237.158.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	3.240.683.312	1.293.777.812
Chi phí nhân công	34.215.000.000	28.265.600.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.609.981.139	6.262.002.094
Chi phí dự phòng	1.630.506.835	(45.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.685.280.145	27.955.606.468
Chi phí khác bằng tiền	20.183.298.479	19.206.661.250
Cộng	94.564.749.910	82.938.647.624

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	4.273.079.958	2.273.040.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	324.251.124	324.251.124
Thuế, phí và lệ phí	681.592.352	1.440.587.040
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	1.630.506.835	(45.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.595.508.794	5.011.999.505
Các khoản chi phí QLDN khác	1.582.594.462	4.444.719.377
Cộng	15.087.533.525	13.449.597.046
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	29.941.920.042	25.992.560.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.240.683.312	1.293.777.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.285.730.015	5.937.750.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.089.771.351	22.943.606.963
Chi phí bán hàng khác	17.919.111.665	13.321.354.833
Cộng	79.477.216.385	69.489.050.578

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thường thanh toán trước hạn	1.803.723.362	849.979.920
Các khoản khác	56.552.806	539.428.432
Cộng	1.860.276.168	1.389.408.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.043.656.822	1.557.580.584
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	665.709.081	2.644.128.496
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>665.709.081</i>	<i>2.644.128.496</i>
Thu nhập chịu thuế	1.709.365.903	4.201.709.080
Chuyển lỗ	(1.709.365.903)	(4.201.709.080)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Ngoài các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế	-	13.417.740.248

Tình hình chuyển lỗ theo bảng sau:

Năm phát sinh lỗ	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế được chuyển	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ hết thời hạn chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Ghi chú
		VND	VND	VND	VND	
2020	2021 - 2025	45.570.599.024	(33.862.224.679)	11.708.374.345	-	Chưa quyết toán
Cộng		45.570.599.024	(33.862.224.679)	11.708.374.345	-	

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.043.656.822	1.557.580.584
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.043.656.822	1.557.580.584
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	6.666.666	6.666.666
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	156,55	233,64
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư được trình bày tại Thuyết minh số 6; 7; 8; 15; 19 và 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng hoá, dịch vụ	41.283.186.931	34.991.739.113
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	23.778.646.464	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên	12.019.854.647	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	5.010.147.238	767.694.409
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	456.000.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	18.538.582	16.122.155
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	23.847.013.458
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	-	10.360.909.091
Thu tiền bán hàng hoá, dịch vụ	41.729.274.144	66.176.482.214
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	54.348.922.214
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	25.367.021.287	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên	12.971.592.857	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	2.898.180.000	-
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	492.480.000	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	-	11.397.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	430.560.000
Mua hàng hoá, dịch vụ	3.072.080.324.273	2.815.623.323.569
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.898.335.628.376	2.796.423.209.095
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	46.345.279.409	243.767.413
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hưng Yên	40.121.010.602	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	27.642.568.127	23.589.818
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	19.967.264.690	1.260.868.085
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	13.784.135.267	7.877.795
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	7.631.575.830	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	7.596.961.241	4.225.911.163
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	5.748.196.547	38.454
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	3.196.974.095	2.990.021.715
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	534.646.254	10.013.474.409
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	237.494.790	198.265.992
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	559.427.300	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	185.246.455	159.299.910
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	154.087.730	70.559.814
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	19.726.906	3.481.497
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	14.291.120	53.863
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	5.809.534	2.904.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh toán tiền mua hàng	3.356.214.712.471	3.048.025.580.077
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	3.223.360.412.525	3.038.439.322.281
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	50.054.525.066	256.163.032
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	25.062.954.803	-
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	22.099.861.197	2.016.875.438
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	14.965.821.202	7.735.144
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	8.453.055.207	5.245.830.173
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	7.631.575.830	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	3.481.654.171	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	604.181.484	111.100.032
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	294.016.265	148.521.745
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	199.675.135	199.492.232
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	6.842.336	19.500
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	137.250	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	-	520.500
Thu hộ tiền bán hàng	128.257.507.946	94.680.045.697
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	65.660.250.792	54.466.623.640
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	31.214.213.221	26.063.055.816
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	19.264.094.211	9.611.174.810
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	3.095.859.711	3.438.897.062
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	2.694.464.745	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	2.693.727.246	278.782.990
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.567.701.124	392.206.884
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.368.261.136	7.347.700
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	691.463.360	413.931.275
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	7.472.400	8.025.520

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.259.248.386	1.883.398.084
Ông Tôn Quốc Bình	522.469.291	933.262.498
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	48.000.000	48.000.000
Ông Trần Đức Hùng	424.165.095	568.449.561
Bà Đỗ Thị Thu Hương	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Mậu Dũng	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Kim Tích	180.614.000	249.686.025
Ban Giám đốc	1.356.341.738	2.439.770.960
Ông Nguyễn Trung Hữu	156.484.000	-
Ông Phan Trung Kiên	567.696.804	750.063.231
Ông Cao Anh Tuấn	577.200.804	756.445.231
Ông Trần Thanh Dũng	54.960.130	-
Kế toán trưởng	472.730.173	645.331.757
Ông Nguyễn Tuấn Tú	472.730.173	645.331.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký 19 hợp đồng thuê đất (bao gồm diện tích đất tại 17 cửa hàng xăng dầu, kho trung chuyển và Trụ sở chính của Công ty) với chính quyền địa phương thuộc tỉnh Ninh Bình (cũ là các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình) với thời gian thuê đất đến 50 năm, tổng diện tích đất thuê khoảng 50 nghìn m² để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng số tiền thuê đất tối thiểu phải trả trong năm theo các hợp đồng thuê đất là khoảng 1,4 tỷ VND.

Công ty đã ký 11 hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu thuộc tỉnh Ninh Bình (cũ là các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình) với thời hạn thuê đến 10 năm để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng số tiền thuê phải trả trong năm theo các hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu nêu trên là khoảng 5,36 tỷ VND.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu các loại, các mặt hàng, doanh thu khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu.

Công ty áp dụng trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo địa lý vùng lãnh thổ tại Việt Nam và nước ngoài. Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam, không phát sinh tại nước ngoài. Theo đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	2.772.000.000	640.000.000
Trừ: Tiền	5.568.123.965	5.871.307.169
Nợ thuần	(2.796.123.965)	(5.231.307.169)
Vốn chủ sở hữu	44.620.959.117	43.577.302.295
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	5.568.123.965	5.871.307.169
Phải thu khách hàng	20.135.406.189	23.775.489.724
Các khoản phải thu khác	49.398.347	47.233.006
Tổng cộng	25.752.928.501	29.694.029.899
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.772.000.000	640.000.000
Phải trả người bán	28.149.923.677	61.989.108.361
Các khoản phải trả khác	4.193.894.886	898.813.938
Chi phí phải trả	2.759.006.364	6.000.728.397
Tổng cộng	37.874.824.927	69.528.650.696

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Số cuối năm	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	5.568.123.965	-	5.568.123.965
Phải thu khách hàng	20.135.406.189	-	20.135.406.189
Các khoản phải thu khác	49.398.347	-	49.398.347
Tổng cộng	25.752.928.501	-	25.752.928.501
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	554.400.000	2.217.600.000	2.772.000.000
Phải trả người bán	25.209.569.836	2.940.353.841	28.149.923.677
Các khoản phải trả khác	4.193.894.886	-	4.193.894.886
Chi phí phải trả	2.759.006.364	-	2.759.006.364
Tổng cộng	32.716.871.086	5.157.953.841	37.874.824.927
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.963.942.585)	(5.157.953.841)	(12.121.896.426)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Số đầu năm	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	5.871.307.169	-	5.871.307.169
Phải thu khách hàng	23.775.489.724	-	23.775.489.724
Các khoản phải thu khác	47.233.006	-	47.233.006
Tổng cộng	29.694.029.899	-	29.694.029.899
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	174.000.000	466.000.000	640.000.000
Phải trả người bán	61.989.108.361	-	61.989.108.361
Các khoản phải trả khác	898.813.938	-	898.813.938
Chi phí phải trả	6.000.728.397	-	6.000.728.397
Tổng cộng	69.062.650.696	466.000.000	69.528.650.696
Chênh lệch thanh khoản thuần	(39.368.620.797)	(466.000.000)	(39.834.620.797)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Công ty đang triển khai các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả kinh doanh; cân đối tài chính, tiếp cận nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức tín dụng để duy trì việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, đồng thời tiết giảm chi phí, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh có hiệu quả để bù đắp lỗ lũy kế. Do đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. THÔNG TIN KHÁC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty tham gia vào các Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 172/DKNĐ/2014/HĐHTKD ngày 20 tháng 3 năm 2014 và các Phụ lục đi kèm với Công ty TNHH 2626 thống nhất ký hợp đồng hợp tác đầu tư nhưng không hình thành pháp nhân mới tại Dự án Cửa hàng xăng dầu Liêm Phong vị trí thửa đất số 95, tờ bản đồ số 1 thuộc quốc lộ 21A mới, xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam (nay là xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình). Quy mô hợp tác bao gồm: diện tích cửa hàng xăng dầu, các công trình hạ tầng, trang thiết bị, công cụ dụng cụ, hàng hoá, mốc giới. Thời hạn hợp đồng là 20 năm kể từ ngày Biên bản xác nhận thời điểm cửa hàng đi vào hoạt động có giá trị hiệu lực. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định đứng tên cửa hàng và chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động kinh doanh của cửa hàng. Công ty TNHH 2626 và Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định phân chia lợi nhuận cố định chi theo các Phụ lục hợp đồng đi kèm.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 320/DKNĐ/2017/HĐHTKD ngày 25 tháng 9 năm 2017 và các Phụ lục đi kèm với Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Nghĩa Thành thống nhất ký hợp đồng hợp tác đầu tư nhưng không hình thành pháp nhân mới tại dự án Cửa hàng xăng dầu Song Hào. Quy mô hợp tác bao gồm: diện tích cửa hàng xăng dầu, các công trình hạ tầng, trang thiết bị, công cụ dụng cụ, hàng hoá, mốc giới. Tài sản hợp tác kinh doanh là cửa hàng xăng dầu Song Hào tại số 25 đường Song Hào, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định (nay là số 25 đường Song Hào, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình). Thời hạn hợp đồng từ ngày cửa hàng đi vào hoạt động đến hết ngày 16 tháng 01 năm 2034. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Nghĩa Thành được Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định phân chia lợi nhuận cố định chi theo các Phụ lục hợp đồng đi kèm.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 337/DKNĐ/2017/HĐHTKD ngày 04 tháng 11 năm 2017 và các Phụ lục đi kèm với Công ty Cổ phần Cơ khí Nông nghiệp Nghĩa Hưng thống nhất ký hợp đồng hợp tác đầu tư nhưng không hình thành pháp nhân mới tại dự án Cửa hàng xăng dầu Liễu Đề. Quy mô hợp tác bao gồm: diện tích cửa hàng xăng dầu, các công trình hạ tầng, trang thiết bị, công cụ dụng cụ, hàng hoá, mốc giới. Tài sản hợp tác kinh doanh là cửa hàng xăng dầu Liễu Đề tại Khu phố 3 thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (nay là xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình). Thời hạn hợp đồng là 20 năm kể từ ngày cửa hàng đi vào hoạt động. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Công ty Cổ phần Cơ khí Nông nghiệp Nghĩa Hưng được Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định phân chia lợi nhuận cố định chi theo các Phụ lục hợp đồng đi kèm.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24.10.25/DKNĐ/2025/HĐHTKD ngày 24 tháng 10 năm 2025 với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Quang Chiến thống nhất tiến hành ký hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân tại cửa hàng xăng dầu Quang Chiến - Cơ sở II. Quy mô hợp tác bao gồm: Các giấy tờ pháp lý liên quan đến cửa hàng, các công trình hạ tầng, trang thiết bị, công cụ dụng cụ, hàng hoá, mốc giới. Tài sản hợp tác kinh doanh là cửa hàng xăng dầu được cấp phép xây dựng tại thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là QL1A, xã Ninh Mỹ, tỉnh Ninh Bình). Thời hạn hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 10 năm 2035. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Quang Chiến được Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định phân chia lợi nhuận như sau: Giai đoạn một (05 năm đầu tiên) một khoản cố định là 660.000.000 VND/năm; Giai đoạn hai (02 năm tiếp theo) sẽ dựa trên tình hình thực tế thị trường và không vượt quá 10% so với giai đoạn một; Giai đoạn ba (03 năm tiếp theo) sẽ được thoả thuận và thống nhất theo tình hình thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/DKNĐ/2020/HĐHTKD ngày 08 tháng 01 năm 2020 với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Cương thống nhất ký hợp đồng hợp tác đầu tư nhưng không hình thành pháp nhân mới tại Cửa hàng xăng dầu Ninh Phúc. Quy mô hợp tác bao gồm: diện tích cửa hàng xăng dầu, các công trình hạ tầng, trang thiết bị, công cụ dụng cụ, hàng hoá, mốc giới. Tài sản hợp tác kinh doanh là cửa hàng xăng dầu Ninh Phúc tại Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 35, bản đồ địa chính xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (nay là phường Ninh Phúc, tỉnh Ninh Bình). Thời hạn hợp đồng là 20 năm kể từ ngày cửa hàng và trạm dừng nghỉ đi vào hoạt động. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Cương được Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định phân chia lợi nhuận như sau: Giai đoạn một (05 năm đầu tiên) bao gồm một khoản cố định bằng 10% giá trị đầu tư được quyết toán của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Cương (không bao gồm thuế GTGT) và lợi nhuận biến đổi bằng sản lượng bán hàng qua cò bơm với mức 400 VND/lít xăng, dầu; Giai đoạn hai (05 năm tiếp theo) bao gồm một khoản cố định bằng 10% giá trị đầu tư được quyết toán của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Cương và Công ty (không bao gồm thuế GTGT) và lợi nhuận biến đổi bằng sản lượng bán hàng qua cò bơm với mức 400 VND/lít xăng, dầu; Giai đoạn ba (10 năm tiếp theo) bao gồm một khoản cố định bằng 5% giá trị đầu tư được quyết toán của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuân Cương; 10% giá trị đầu tư được quyết toán của Công ty (không bao gồm thuế GTGT) và lợi nhuận biến đổi bằng sản lượng bán hàng qua cò bơm với mức 400 VND/lít xăng, dầu.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/DKNĐ/2023/HĐHTKD ngày 06 tháng 01 năm 2023 và các Phụ lục đi kèm với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Đầu tư Nam Định thống nhất ký hợp đồng hợp tác đầu tư nhưng không hình thành pháp nhân mới tại Cửa hàng xăng dầu Hùng Vương. Quy mô hợp tác bao gồm: diện tích cửa hàng xăng dầu, các công trình hạ tầng, trang thiết bị, công cụ dụng cụ, hàng hoá, mốc giới. Tài sản hợp tác kinh doanh là cửa hàng xăng dầu Hùng Vương tại số 256 Hùng Vương, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định (nay là số 256 Hùng Vương, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình). Thời hạn hợp đồng từ ngày 12 tháng 01 năm 2023 đến ngày 12 tháng 5 năm 2024 và Phụ lục 01 điều chỉnh thời hạn đến ngày 11 tháng 5 năm 2029. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Đầu tư Nam Định được Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định phân chia lợi nhuận 600.000.000 VND/năm đến ngày 12 tháng 5 năm 2024; từ ngày 12 tháng 5 năm 2024 trong 02 năm đầu phân chia lợi nhuận 720.000.000 VND/năm và trong 03 năm sau sẽ căn cứ vào tình hình kinh doanh, biến động thị trường.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 58/DKNĐ/2023/HĐHTKD ngày 14 tháng 02 năm 2023 và các Phụ lục đi kèm với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại phát triển Hương Giang thống nhất ký hợp đồng hợp tác đầu tư nhưng không hình thành pháp nhân mới tại Cửa hàng xăng dầu Bến xe miền Bắc. Quy mô hợp tác bao gồm: Diện tích cửa hàng xăng dầu, các công trình hạ tầng, trang thiết bị, công cụ dụng cụ, hàng hoá, mốc giới. Tài sản hợp tác kinh doanh là Cửa hàng xăng dầu Bến xe phía Bắc tại xã Ninh Hoà, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình). Thời hạn hợp đồng là 07 năm (từ năm 2023 đến năm 2030) từ ngày hai bên ký kết hợp đồng và hoàn thành xong các công tác sửa chữa, cải tạo cửa hàng để cửa hàng đi vào hoạt động. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại phát triển Hương Giang được Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định phân chia lợi nhuận như sau: Trường hợp sản lượng kinh doanh xăng dầu đạt dưới 60m³/tháng thì lợi nhuận chi trả là 30.000.000 VND/tháng (đã bao gồm thuế GTGT); trường hợp sản lượng kinh doanh xăng dầu đạt từ 60m³/tháng trở lên thì lợi nhuận chi trả tính theo đơn giá 500 VND/lít xăng dầu (đã bao gồm thuế GTGT).

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả lợi nhuận hợp tác kinh doanh cho các Hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên khoảng 8,6 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Các báo cáo này đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.



Nguyễn Trung Hữu
Giám đốc

Ninh Bình, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Tuấn Tú
Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Tú
Người lập biểu

